

Nhóm nghiên cứu bảo tồn di sản làng xã truyền thống Việt Nam

Nhóm chính thức thành lập ngày 15/01/2007 với sự tham gia của các sinh viên 48KSCLC, KD48, KD50 dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Phạm Hùng Cường, trường Đại học Xây dựng và nhiều các học sinh của các khóa sau này.

Nhóm đã tổ chức đi khảo sát các nhiều điểm làng xã truyền thống ở vùng ven Hà Nội, tổ chức hội thảo, vận động nhiều sinh viên tham gia viết về làng quê, tổ chức chương trình Thăm quê, đến với di sản làng Việt.

Cuốn sách này là tài liệu phổ biến kiến thức cho các thành viên mới, với tinh thần từ tìm hiểu đến yêu mến và có những hành động cùng chung tay giữ gìn các giá trị di sản của làng Việt.



Mai Liên, Nguyễn Hồng Cường, Nguyễn Đức Tùng, Nguyễn Doãn Bắc, Vũ Ngọc Lâm, Hồ Văn Thành, Nguyễn Thị Thu Hà và rất nhiều bạn sinh viên đã tham gia cùng nhóm nghiên cứu này. Hy vọng ngọn lửa tình yêu với làng xã sẽ còn được các bạn giữ mãi và tiếp tục lan tỏa.

LÀNG XÃ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM



Tài liệu của nhóm nghiên cứu:

Bảo tồn di sản làng xã truyền thống Việt Nam.

Biên soạn: PGS. TS Phạm Hùng Cường.

Cẩm nang Làng xã truyền thống Việt Nam- Hội Quy hoạch và phát triển đô thị Đại học Xây dựng- Nhóm nghiên cứu Bảo tồn Di sản làng xã truyền thống Việt Nam.

Lời mở đầu

Quê nhà tôi ơi

Xứ Đoài xa lắm.

Khói chiều mênh mông

Sông Đà buông nắng,

Nhớ th-ơng làng quê

Lũy tre bờ đê ... (bài hát Quê nhà- Lê Minh Sơn)

Ai đã một lần đi xa, đã một lần nghe những câu ca da diết ấy đều nhớ về một vùng quê. Dù có sinh ra ở thành phố nhưng làng quê vẫn là một hình ảnh chung về một cái gì đó sâu thẳm trong tâm hồn người Việt. Không chỉ là những bờ tre xanh ngắt, những cánh đồng lúa mênh mông, những con đường làng trẻo vắng, đó còn là hình bóng của người thân, của những ký ức thời gian không bao giờ phai nhạt. Nhìn thấy chiếc cổng làng với rặng tre ta đã nao nao nhớ về mẹ sớm hôm tần tảo, nhớ những căn nhà đơn sơ, nhớ tháng ngày xưa gian nan nhưng thấm đậm tình người.

Quê nhà đó, nơi một chỗ dựa tinh thần đâu phải cho riêng ta hay những ai đang sống ở làng, đó là chỗ dựa tinh thần của cả dân tộc, cả mấy ngàn năm những tinh hoa của nền văn minh lúa nước, của tổ tiên đã tạo dựng lên nền văn hoá Việt này.

Càng tìm hiểu làng xã lại càng thấy chúng ta đang có những giá trị tinh thần, vật chất vô vùng quý giá mà cha ông đã để lại, có bao nhiêu những bài học tưởng như đơn giản mà sâu sắc. Vậy mà mấy ai đã hiểu. Có những con mắt chỉ dõi sang phương trời xa, xây dựng lên những thứ đồ sộ, tưởng chừng nguy nga tráng lệ nhưng một ngày lại thấy chệnh vênh, xa lạ.

Về đi, Bạn hãy về với làng tôi, về với quê tôi.

LÀNG XÃ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Lịch sử hình thành

Nói đến làng xã truyền thống Việt Nam là nói đến làng xã vùng Đồng Bằng sông Hồng, cái nôi của văn hoá Việt. Với lịch sử phát triển và văn hoá khá t-ong đồng, các làng xã vùng Hà Nội, Hà Tây, Bắc Ninh có lịch sử hình thành khoảng từ 1000-4000 năm. Muộn hơn là các làng ở Hải Phòng, Thái Bình, muộn nhất hình thành ở Kim Sơn, Tiền hải với các doanh điền của Nguyễn Công Trứ. Năm 1940 ở Bắc Kỳ đã có hơn 20.000 xã.

Hiểu một cách khái quát về làng Việt cổ truyền thì “làng là một tế bào xã hội của ng-ời Việt. Nó là tập hợp dân c- chủ yếu theo quan hệ láng giềng, cùng sống trên một khu vực gồm một khu đất để làm nhà ở và một khu đất để trồng trọt, một tập hợp những gia đình nhỏ sản xuất và sinh hoạt độc lập”.

Trải qua quá trình phát triển, làng dần trở thành một đơn vị xã hội cơ bản. Với sự hình thành các mối quan hệ về huyết thống, sự liên kết những ng-ời cùng sinh sống theo địa vực, chống chọi với thiên nhiên, khai phá đồng bằng đã tạo nên tính cộng đồng riêng biệt của làng xã.

Làng trở thành một đơn vị hành chính cấp cơ sở (xã) từ thế kỷ VII d-ới thời thuộc nhà Đ-ờng. Đến thế kỷ thứ XIX có tới 12 loại đơn vị hành chính cấp cơ sở ở vùng đồng bằng Bắc Bộ nh- xã, thôn, ph-ờng, giáp, trang trại, xóm... Tuy nằm trong các đơn vị hành chính khác nhau nh- ng làng vẫn là một đơn vị xã hội cơ bản.

Tên gọi làng xã

Làng truyền thống là đơn vị xã hội cơ bản, xã là đơn vị hành chính có thể bao gồm 1 làng hoặc nhiều làng. D-ới xã có các thôn, d-ới làng có các xóm. Có xã 1 thôn thì làng, xã, thôn là một. Có khi nhiều xã hợp lại thì một xã lại trở thành thôn. Tuy

xã là đơn vị hành chính, có thể có những thay đổi qua các giai đoạn nh- ng làng vẫn là đơn vị cơ bản của xã. Nói **làng xã** là đã bao hàm đầy đủ ý nghĩa của điểm dân c- truyền thống.

Cấu trúc xã hội

Quy mô dân c-

Thời Lê Thánh Tông, đại xã có 500 hộ trở lên, khi nào số dân vượt quá số ấn định ấy 100 hộ thì đ- ợc tách ra lập xã mới. Cũng theo P.Gouru (1936) trung bình mỗi làng có 1000 dân, làng lớn trên 5000 dân, thậm chí có làng trên 10.000 dân, diện tích trung bình khoảng 200 ha, làng nhỏ d- ới 50 ha, làng lớn đến 500 ha. Hiện nay số dân một xã vào khoảng từ 5000- 12000 dân, mỗi xã có từ 1 đến 5 làng.

Cơ cấu tổ chức và quan hệ xã hội

Làng xã truyền thống có mối quan hệ cộng đồng rất cao với các mối quan hệ xã hội nh- :

Gia đình và dòng họ: Giai đoạn phong kiến, với sự ảnh h- ưởng của Nho giáo, ng- ời tr- ởng họ có uy quyền lớn trong dòng tộc. Sự tôn trọng dòng họ, muốn dòng họ có uy thế trong làng xã hiện còn ảnh h- ưởng rõ nét đến ngày nay. Vai trò của ng- ời đàn ông trong gia đình đ- ợc đề cao, ng- ời phụ nữ phải tuân theo “tam tòng tứ đức”.

Quan hệ láng giềng ngõ xóm: Làng đ- ợc chia thành nhiều xóm, xóm đ- ợc chia thành nhiều ngõ. Tuy xóm ngõ chỉ là một bộ phận về mặt c- trú nh- ng có một cuộc sống riêng. Sự giúp đỡ ma chay c- ới xin và sự hỗ trợ trong lao động sản xuất th- ờng diễn ra giữa những ng- ời cùng xóm ngõ. Quan hệ hàng xóm láng giềng tiêu biểu cho mối quan hệ cộng đồng làng xã, ng- ời làng th- ờng có câu” Bán anh em xa, mua láng giềng gần”.

Quan hệ nghề nghiệp: Thông qua các ph- ờng hội nghề thủ công.

Quan hệ giữa những ng-ời cùng hệ về học hành, bằng cấp, tuổi tác: Trong làng có nhiều hội: hội T- văn, T- võ, hội đồng môn, đồng niên...

Nh- vậy một cá nhân trong làng xã có nhiều mối quan hệ ràng buộc: Trong gia đình, trong dòng họ, trong mối quan hệ với ng-ời làng, mối quan hệ với các đồng nghiệp, đồng môn, quan hệ với chính quyền. Các mối quan hệ này đan xen, tác động lẫn nhau. Ng-ời làng làm gì cũng phải nhìn vào nhiều mối quan hệ để ứng xử.

Các tổ chức xã hội tiêu biểu:

+ Giáp: Tổ chức của nam giới tr-ởng thành. Phổ biến ở mọi làng xã. Còn thấy tên gọi ở một số ph-òng của Hà Nội nh- ph-òng Giáp Bát (tên nôm là Làng Tám), Giáp Nhị, Giáp Nhất.

+ Ph-òng: Tổ chức nghề nghiệp, th-òng hình thành trong các làng nghề.

+ Hội, phe: Phe t- văn, phe t- võ.. Tổ chức t- ợng trợ hoặc cùng sở thích, cùng đối t- ợng (ngạch văn hoặc ngạch võ).

Thể chế xã hội: Thời Pháp, chính quyền vẫn cùng chế độ phong kiến duy trì làng xã tự quản. Làng xã có Hội đồng kỳ mục, hội đồng xã, lý tr-ởng, tuần đình... thực hiện các nghĩa vụ quản lý Nhà n-ớc. Nh- ng đồng thời làng cũng có lệ làng riêng (H- ợng - ớc) với sức mạnh chi phối cuộc sống xã hội của cộng đồng, đôi khi v- ợt lên cả sự chi phối của luật pháp quốc gia. Ng-ời dân th-òng nói “ Phép vua thua lệ làng”. Vẫn có thể thấy sức mạnh của lệ làng qua các bản H- ợng - ớc còn l- u giữ đến ngày nay.

Tôn giáo tín ng- ỡng: Ng-ời dân vùng Đồng bằng sông Hồng chịu ảnh h- ợng của các dòng tôn giáo nh- Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo. Thời thuộc Pháp còn có sự du nhập của đạo Thiên Chúa và một số dòng khác. Có sự hòa đồng của các tôn giáo kết hợp với các tín ng- ỡng bản địa nh- thờ ng-ời anh hùng, thờ Mẫu, thờ Thành Hoàng, những ng-ời theo đạo Thiên chúa cũng không coi đạo khác là tà đạo. Việc thờ cây, thờ đá cũng có tác dụng bảo vệ thiên nhiên :” *Thần cây Đa, ma cây Gạo, cú cáo cây Đẻ*”

Hoạt động kinh tế

Hoạt động nông nghiệp trồng lúa n-óc với *nền sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp* là đặc điểm cơ bản của nền kinh tế làng xã thời phong kiến. Nhà n-óc chống lại việc sở hữu lớn ruộng đất. Đạo luật năm 1708 cấm các quan chức và các nhà hào phú lợi dụng sự nghèo khó hay sự l- u tán của dân làng để c- ỡng mua nhiều ruộng đất và lập nên trang trại lớn. Thời Pháp ở Bắc Ninh chỉ có 8% số chủ đất có từ 3-10 mẫu.

Sản xuất nhỏ tự cung tự cấp và đặc biệt chế độ ruộng công (ruộng quan, ruộng Đình, ruộng chùa, ruộng họ...) luôn đ- ợc duy trì ở một mức độ nhất định càng củng cố thêm tâm lý lối sống cộng đồng khép kín, tính tự trị ở làng xã.

Nhìn chung các quan hệ xã hội và thể chế xã hội nổi bật của làng xã truyền thống đó là *mối quan hệ cộng đồng đan xen, nhiều chiều và tính tự trị rõ nét*. Điều này đã tạo nên sức mạnh của cộng đồng, đảm bảo sự tồn tại của làng xã hàng ngàn năm, tạo nên những giá trị văn hoá truyền thống.

Cấu trúc không gian làng xã truyền thống

Các làng xã vùng Đông bằng sông Hồng có cấu trúc t- ong tự nh- nhau. Nhìn tổng thể làng nằm trong một khu vực đất cao ráo có lũy tre bao bọc, xung quanh là đồng ruộng.

Các thành phần chủ yếu của làng có Lũy tre, cổng- Nhà ở- Công trình công cộng (Đình, miếu, quán, văn chỉ..) - Công trình tôn giáo (Chùa, miếu, phủ..) – Giếng, Ao làng - Cây xanh trong làng- Đồng ruộng – Nghĩa địa.

Hệ thống đ- ờng giao thông làng phân nhánh kiểu cành cây hoặc kiểu răng l- ọc.

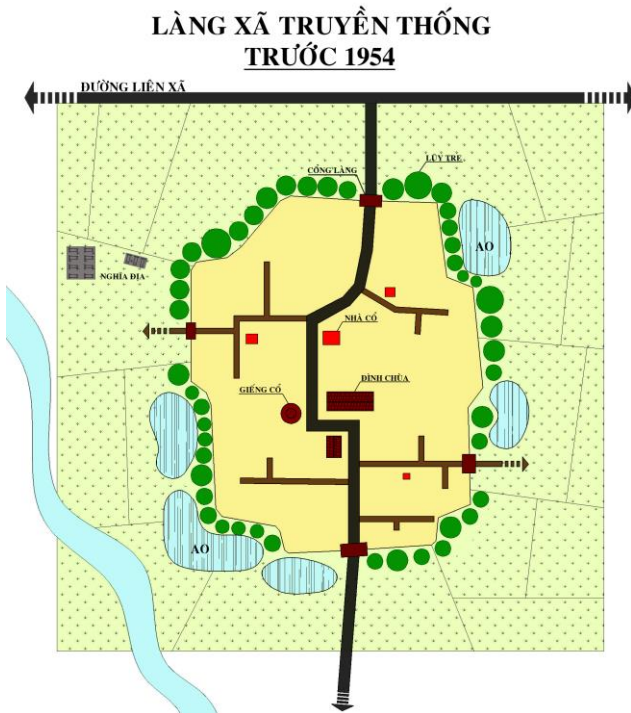
Cấu trúc phân nhánh kiểu cành cây là phổ biến hơn cả. Những làng có cấu trúc kiểu răng l- ọc là những làng ven sông, hồ nh- làng Nghi Tàm (Tây Hồ- Hà Nội) nằm ven hồ Tây, hay làng Khúc Thủy, Cự Đà (Thanh Oai) nằm ven sông Nhuệ.

Trong làng th- ờng có trục đ- ờng chính (đ- ờng làng), d- ới là các xóm, ngõ. Xóm là tên gọi chỉ một khu vực các hộ gia đình

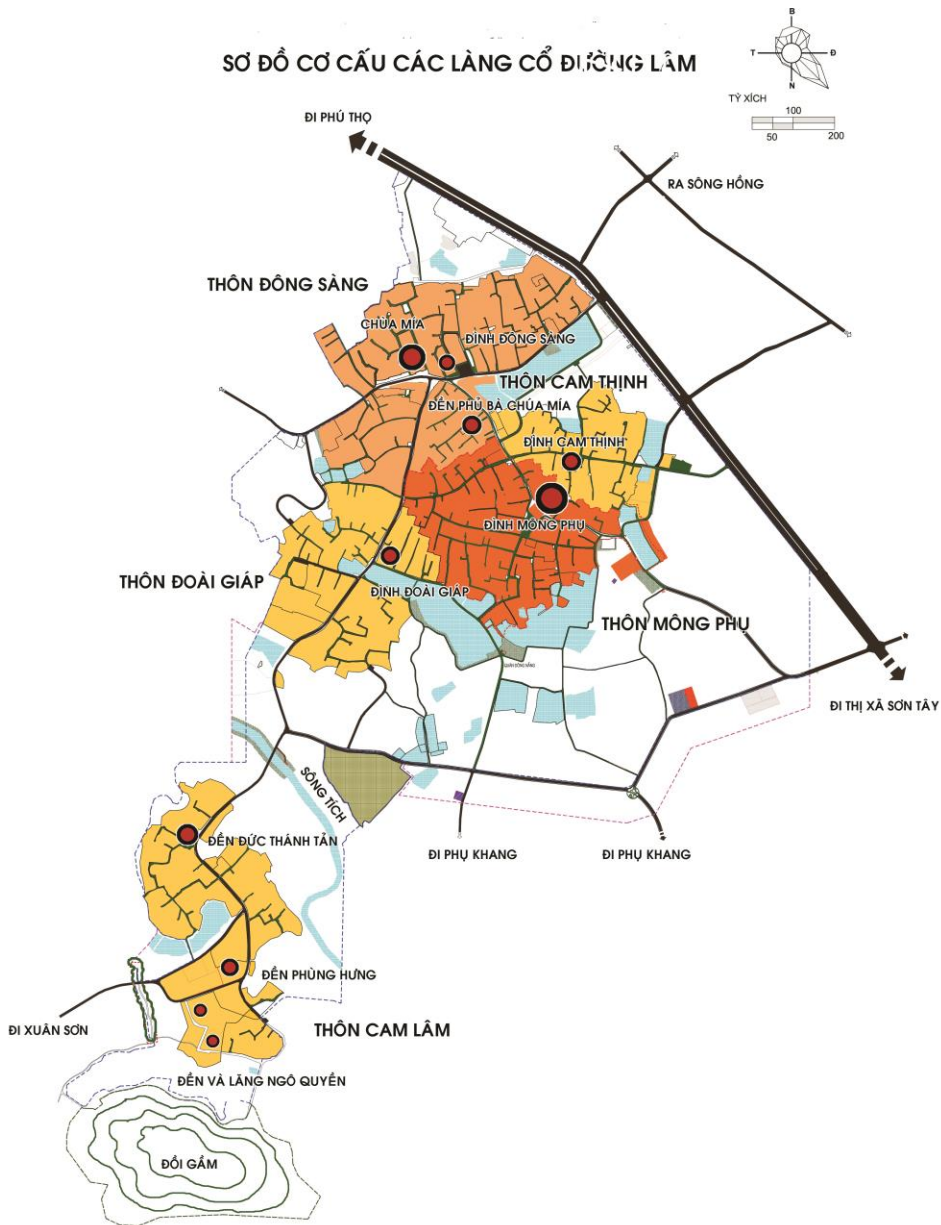
đi chung một đ-ờng ngõ chính nối với đ-ờng làng. Rất ít các ngõ nối thông với nhau, hầu hết là ngõ cụt. Vì thế th-ờng có tình trạng “ Gần nhà, xa ngõ”. Nhiều làng có cổng của ngõ (xóm). Làng cổ Đ-ờng Lâm, Sơn Tây hiện còn các xóm: xóm Sui, xóm Sải , xóm Đình, Xóm Miếu, xóm Giang...

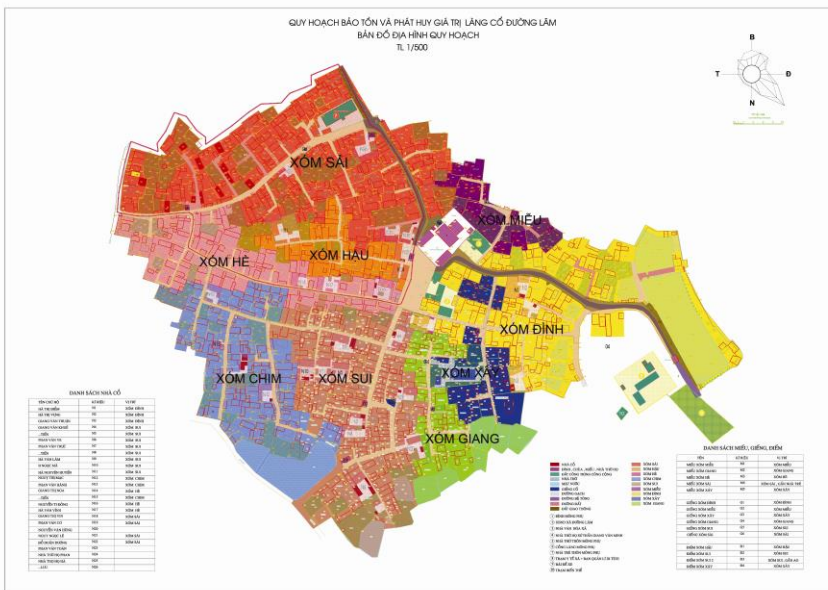
Làng th-ờng chỉ có 1, 2 cổng chính nối với đ-ờng liên xã, còn lại là cổng của đ-ờng ra cánh đồng.

Hệ thống đ-ờng dựa trên ph-ơng tiện giao thông đi bộ. Đ-ờng làng th-ờng rộng 2,4- 3,5m, đ-ờng chính rộng khoảng 5m (phần đ-ờng lát 3-3,5m). Đ-ờng lát gạch đỏ, gạch lát nghiêng. Có thể vận chuyển lúa, nông sản bằng ph-ơng tiện xe trâu bò kéo.



SƠ ĐỒ CƠ CẤU CÁC LÀNG CỔ ĐIỀU LÂM





Sơ đồ thôn Mông Phụ- Đ- ờng Lâm

Cổng làng

Các làng đều có cổng làng, có 1 hoặc nhiều cổng. Cổng xây có cánh. Có loại cổng có mái và loại không có mái, có nơi trên cổng có chuông. Cùng với lũy tre dày đặc, cổng có vai trò bảo vệ làng khỏi nạn trộm c- ờp.

Trên cổng th- ờng có chữ đại tự ghi chữ thể hiện - ớc nguyện hoặc niềm tự hào của làng.

Cổng làng Đ- ờng Lâm thuộc dạng có mái (th- ợng gia hạ môn), trên cổng có ghi: Thế hữu h- ng nghi đại”, dịch nghĩa “Đời nào cũng có ng- ời tài giỏi”. Cổng làng Trang Liệt (làng Sặt) ghi: Tiểu văn đại la, dịch nghĩa” Đi ít về nhiều”.

Một số nơi cổng còn xây kiên cố nh- cổng thành, kết hợp với hào xung quanh.



*Cổng làng Đ-ông
Lâm*



*Cổng làng Đ-ông
Kỵ – Bắc Ninh*

Lũy tre

Cùng với cổng là lũy tre làng đan dày tạo thành hệ thống bảo vệ vững chắc cho làng xã khỏi trộm c-ớp. Đây là thành tố quan trọng và đ-ợc ng-ời dân bảo vệ. Lũy tre trồng dày, chim không bay lọt. Chỉ có làng nào làm phản lại chính quyền trung - ơng thì sẽ bị chặt hạ toàn bộ lũy tre, lúc đó làng trở trọi và là niềm sỉ nhục lớn với ng-ời dân trong làng.



*Luỹ Tre làng
Đ- ờng Lâm*

Đình làng

Đình làng đ- ọc hình thành khoảng thế kỷ XV. Đình vừa là công trình công cộng (trụ sở hành chính của xã) vừa là công trình tín ng- ỡng. Đình làng phát triển rầm rộ d- ời thời vua Lê Hy Tông (1675-1705) và tiếp tục phát triển trong khoảng thế kỷ XVIII-XIX.

Đình thờ Thành Hoàng làng, là vị thần che chở phù hộ cho ng- ời dân trong làng. Thành Hoàng có thể có tên tuổi cụ thể (các anh hùng), hoặc là vị thần thánh (Thánh Tản viên...), hoặc có khi chỉ là ng- ời ăn mày, ng- ời chết trôi. Thành hoàng th- ờng có sắc phong của Vua.

Đình làng cũng là nơi sinh hoạt cộng đồng của ng- ời dân, nơi diễn ra các buổi xử kiện, giải quyết các vấn đề nội bộ của làng, họp các Giáp. Có lễ hội Đình.

Vị trí của Đình th- ờng đặt ở vị trí trung tâm của làng. Tuy nhiên cũng do hình thành sau sự xuất hiện của dân c- nên khi không còn đất đặt trong trung tâm ng- ời ta có thể đặt đình phía đầu làng hoặc rìa làng (Đình không đặt theo một h- ớng nhất định)

Kiến trúc của Đình làng th- ờng đ- ọc chú trọng. Đây là công trình có quy mô lớn nhất trong làng và th- ờng là niềm tự hào của ng- ời dân. Đình là công trình kiến trúc có dấu ấn văn hoá nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu nhất trong làng xã

truyền thống và cũng là công trình kiến trúc truyền thống Việt Nam tiêu biểu nhất.



Đình làng Mông Phụ- Đ- ờng Lâm- Sơn Tây.

Chùa

Chùa thờ Phật, theo dòng Đại thừa. Chùa xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ X, thịnh hành d- ới thời nhà Lý. Đây là tôn giáo đ- ợc hình thành sớm và sâu rộng trong hầu hết các làng xã. Vì vậy hầu nh- tất cả các làng còn giữ đ- ợc Chùa làng. Chùa làng Giai đoạn sau có sự pha trộn của đạo Lão nên một số chùa thờ cả thánh, dạng “ tiền Phật hậu Thánh”.

Miếu

Miếu thờ thần trong các xóm. Miếu th- ờng xây đơn giản nh- ng là công trình có ý nghĩa quan trọng về tín ng- ỡng của ng- ời dân.



Miếu xóm Hè, thôn Mông Phụ, Đ- ờng Lâm

Phủ , Đền

Công trình thờ Mẫu, thờ Thánh, Thần. Đây là tín ngưỡng của đạo Lão. Ng-ời dân tin vào có ma, quỷ, thần thánh và tôn thờ nh- một lực l-ợng bảo vệ làng. Cũng có đền thờ các anh hùng theo tín ng-ỡng dân gian.



*Đền phủ bà chúa Mía
(Đ- ờng Lâm)*

Văn chỉ

Là công trình thờ Khổng tử và cũng là nơi sinh hoạt, tụ họp của hội T- văn, những ng-ời đỗ đạt có bằng cấp trong chế độ phong kiến.

Văn Miếu

Thờ Khổng Tử. Công trình này th- ờng đại diện cho một vùng. Không phải làng nào cũng có.

Võ Chỉ

Công trình là nơi hội họp của những ng-ời theo ngạch võ. Công trình này hiếm thấy hơn Văn chỉ. Điều này cũng chứng tỏ những ng-ời theo ngạch văn đ- ọc trọng hơn.

Nhà thờ họ

Do các dòng họ tự xây dựng. Công trình có vai trò quan trọng trong việc giữ gìn tính liên kết mật thiết trong dòng họ.

Nhà thờ tổ nghề

Các làng nghề nổi tiếng th- ờng có nhà thờ tổ nghề. Làng Định Công (Hoàng Mai) có nhà thờ tổ nghề kim hoàn.

Thọ từ

Nơi tổ chức lễ th- ơng thọ cho các cụ trong làng. Công trình cũng hiếm gặp. Mới thấy ở làng Cự Đà (Hà Nội)

Quán

Là công trình nghỉ chân của ng- ời dân đi làm đồng. Quán th- ờng xây dựng đơn sơ, chỉ có cột xây, không có t- ờng bao. Tuy nhiên với sự nổi bật trên cánh đồng lúa, có khi có cây cao bên cạnh, quán trên cánh đồng trở thành một trong những hình ảnh đặc tr- ơng về làng xã.



Quán Lồ B- ơu (Mông Phụ)

Điểm

Các điểm đ- ọc xây dựng cạnh cổng để tiện cho việc trực đêm của tuần đinh bảo vệ làng. Th- ờng xây khá đơn giản, không có cửa.

Chợ

Tr- ớc đây do sản xuất tự cung tự cấp nên nhu cầu trao đổi hàng hoá không cao. Khoảng 4-7 làng có một chợ chung, họp theo phiên. Các chợ th- ờng lập ở các trung tâm, đầu mối giao thông. Trong làng có thể có chợ nhỏ họp cạnh Đình, Chùa làng nên còn có tên gọi chợ Đình, chợ Chùa. Chợ họp theo phiên, đông đúc nhất vào buổi sáng, buổi chiều đã tan chợ.

Quán n- ớc đầu làng : Vừa là nơi phục vụ, nơi nghỉ chân và cũng là nơi trao đổi thông tin, giao tiếp xã hội, th- ờng hay đặt đ- ối gốc Đa đầu làng.

Giếng làng

Hầu hết trong làng xóm tr-ớc đây đều dùng n-ớc mặt thông qua ao làng, giếng làng. Làng xóm khuyến khích dùng ao chung để đảm bảo long mạch (thực chất là ý thức giữ gìn nguồn n-ớc). Vùng bằng phẳng giếng làng th-ờng rộng (đ-ờng kính 5-10 m). Các làng vùng bán sơn địa giếng miệng hẹp và lòng sâu. Bề mặt giếng lát gạch hoặc lát đá. Làng Đ-ờng Lâm còn có giếng tám nam, tám nữ riêng. Các giếng n-ớc trong nhất của làng đ-ợc chọn để lấy n-ớc tế lễ hội đình. Nhiều giếng bên cạnh có bàn thờ (tục thờ n-ớc). Làng Cam Lâm (Đ-ờng Lâm) có Giếng Sữa, n-ớc rất trong, truyền thuyết là phụ nữ đang nuôi con nhỏ mất sữa đến đây đặt lễ và lấy n-ớc về uống sẽ có sữa trở lại.

Việc múc n-ớc dùng gàu, th-ờng là gàu bằng tre đan trát sơn ta. Gánh n-ớc bằng thùng và đòn gánh.



Giếng th-ờng đặt ở các vị trí có n-ớc mặt, thuận tiện cho mọi ng-ời đến lấy n-ớc, phân bố theo các khoảng cách đều giữa các xóm.

Giếng xóm Giang-Mông Phụ

Ao làng

Ao làng th-ờng đặt ở giữa làng, kề với đình, chùa với vai trò làm minh đ-ờng, cảnh quan cho Đình, chùa. Cũng có khi đặt đầu làng là nơi rửa nông sản, nông cụ, rửa chân tay khi đi làm ruộng về.

Ao có dạng xây (hình tròn, vuông) hoặc bờ đất, hình thái tự do. Có nơi xây non bộ trên ao hoặc làm sân đấu vật giữa ao, mọi ng-ời ngồi xem xung quanh.

Mặt nước trong làng xã có vai trò lớn trong việc điều hoà khí hậu, thu gom nước và tạo cảnh quan làng.



Ao làng Triều Khúc

Cầu

Cầu là công trình giao thông quan trọng bởi rất nhiều làng xã kê gần sông. Sông rộng thì có đò, sông nhỏ thì bắc cầu, cầu dạng cầu đá, hoặc cầu ngói (có mái). Loại hình công trình này còn rất hiếm.

Nghĩa địa làng.

Mỗi làng đều có nghĩa địa riêng đặt ngoài làng. Một số làng có tục lệ chôn ngay trên ruộng của dòng họ. Đây là khu vực được coi trọng, những nhà khá giả rất chú trọng phong thủy của phần mộ. Việc chăm sóc mộ tổ cũng là trách nhiệm chung của dòng họ. Làng Đông Lâm truyền miệng câu bình về vị trí đặt mộ của dòng họ Phan “Đầu đội ngành quạt, chân đạp lý ng- - Th- ợng th- tổng đốc”.

Nhà ở

Nhà ở trong làng xã truyền thống tiêu biểu cho nhà ở truyền thống của người Việt với nhiều giá trị về kiến trúc và tổ chức không gian ở.

Đất ở khuôn viên th-ờng rộng khoảng 300-500 m², tùy theo từng khu vực.

Không gian nhà h-ớng nội, chỉ có một cổng nhỏ vào nhà, nhà không trở cửa ra mặt đ-ờng.

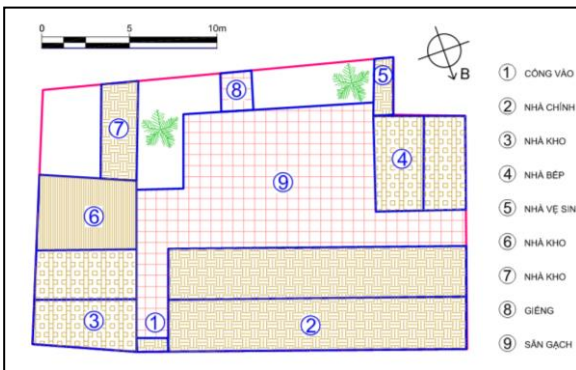
Nhà có nhà chính, nhà phụ (bếp, nhà làm nghề thủ công), chuồng nuôi trâu bò, gia cầm) nhà vệ sinh (tách rời khỏi nhà chính), giếng , sân phơi và v-òn nhỏ hoặc ao.

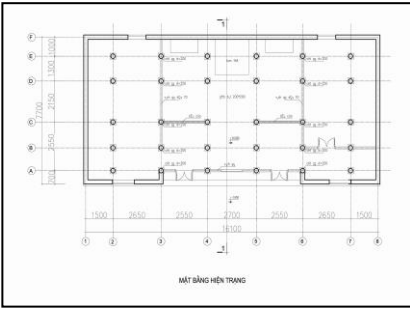
Nhà chính th-ờng quay h-ớng Nam hoặc Đông Nam. Ng-ời dân th-ờng có câu “ Lấy vợ hiền hoà, làm nhà h-ớng Nam”. Có trồng cây chắn gió Đông Bắc: “ Chuối sau, cau tr-ớc”

Trong khuôn viên có cây xanh, cây ăn quả và v-òn tạp trồng rau theo tính chất tự cung tự cấp.

Nhà bố trí theo gian , có loại 3 gian hoặc 5 gian . Th-ờng có 2 chái thêm 2 đầu nhà. Gian giữa là để bàn thờ và tiếp khách, 2 bên là gi-ờng. Nhà thấp, cửa bức bàn có bậc, cửa mở rộng phía tr-ớc, hầu nh- không mở cửa sổ phía sau.

Nhà kiên cố là loại nhà khung gỗ, vách gỗ và xây gạch, mái lợp ngói. Nhà của ng-ời nghèo hơn là nhà xây bằng đất, mái lợp tranh tre. Về cấu trúc không có gì khác biệt.





Nhà truyền thống tại xã Đ- ờng Lâm, Sơn Tây

Cổng nhà

Cổng nhà đặt về một bên khuôn viên, không đối diện với cửa nhà, cổng th- ờng nhỏ, chỉ cho trâu và ng- ời gánh lúa đi vừa.



Cổng nhà ở Đ- ờng Lâm

Cây cổ thụ:

Làng nào cũng có những cây cổ thụ hàng trăm năm tuổi. Phổ biến nhất là Đa, th- ờng đ- ọc trồng ở cổng làng, tạo dấu ấn từ xa hoặc gần đình, chùa. Cây có tán rộng, râm mát rất thích hợp là nơi diễn ra các hoạt động của cộng đồng. Làng Cam Lâm- Đ- ờng Lâm còn có rặng Duối gần ngàn tuổi, t- ong truyền là nơi buộc voi của Ngô Quyền.

Đồng ruộng, kênh mương ngoài làng: Các làng đều có ruộng bao quanh, ruộng đảm bảo cho sự tồn tại của một làng với việc cung cấp thực phẩm. Thóc lúa, tôm các từ ao hồ nuôi sống mọi thành viên trong làng xã. Nền kinh tế chủ yếu dạng tự cung tự cấp khép kín trong làng. Đây là thành phần quan trọng bởi nó đảm bảo cho sự tồn tại của làng, duy trì tính tự trị làng xã.



Cây Đa thôn Cổ Đông - Đông Anh



Cánh đồng lúa, xa là dãy núi Ba vì

Cảnh quan không gian làng truyền thống

Với lịch sử hình thành hàng ngàn năm làng xã truyền thống đã kết tinh đ-ợc nhiều các giá trị văn hoá trong đó có cả các giá trị về cảnh quan, tổ chức không gian làng xã.

Nhìn toàn cảnh: Làng xóm truyền thống ẩn mình sau lũy tre xanh, nhà 1 tầng, mái ngói màu nâu sẫm. Phong cách kiến trúc đồng nhất tạo nên một hình ảnh có tính thống nhất rất cao trong các làng xã truyền thống

Không gian đình chùa, ao làng. Không gian trâm, tĩnh, th-ờng có cây cổ thụ. Trong đó hình ảnh cây Đa hầu hết có mặt ở



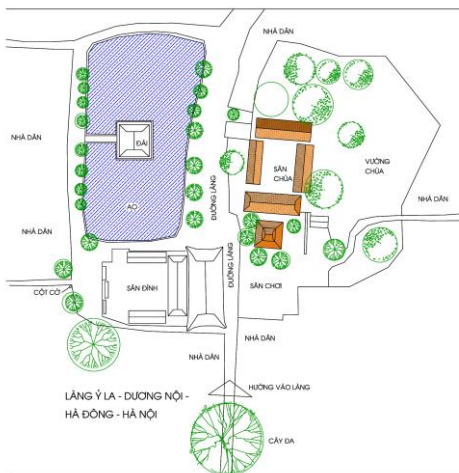
không gian đình, chùa của tất cả các làng. Không gian này hiện còn đ-ợc gìn giữ ở nhiều làng nên có tính lịch sử, dấu ấn thời gian rất rõ nét.

Một số phân tích d-ới đây cho thấy việc bố trí không gian, tạo cảnh quan khu vực Đình chùa rất đ-ợc chú trọng, các yếu tố Phong

Thủy đ-ợc tuân thủ (tạo ra các trục, phía tr-ớc là minh đ-ờng-hồ n-ớc, có dòng sông tụ thủy...) tỷ lệ không gian nhỏ, tạo sự ấm cúng. Vị trí các cây Đa, Đai cũng đ-ợc cân nhắc phù hợp với cảnh quan của Đình, Chùa.



Đình, chùa làng Triều Khúc (Hà Nội)



Đình, chùa, ao làng Ý La - D-ơng Nội

Cảnh quan cổng làng: Lũy tre, cổng làng, con đ-ờng dẫn vào làng đi qua cánh đồng lúa là hình ảnh cảnh quan rất đặc tr-ng của làng. Cổng làng Đ-ờng Lâm đã trở thành biểu tr-ng của hình ảnh về làng Việt.

Những làng có sông cảnh quan dòng sông, bến đò hay cầu qua sông cũng là những hình ảnh đẹp và thơ mộng với dòng sông uốn khúc mềm mại, hai bên bờ lúa và dâu xanh ngắt, có bến đò với con đò cắm sào đợi sẵn đi- a ng- ời qua sông.

Đ- ờng Lâm bên Sông Tích, làng Thổ Hà bên sông Cầu, Khúc Thủy bên sông Nhuệ... đều là những làng có cảnh quan rất nên thơ (khi sông ch- a bị ô nhiễm nh- ngày nay)



Cảnh quan ao làng, giếng làng.

Cảnh quan ao bèo, đụn rơm, khóm chuối bờ ao cũng là những cảnh quan rất đặc tr- ng của làng, nó gắn gũi và thân thuộc với tất cả những ai đã sống ở quê.

Cảnh quan đ- ờng làng ngõ xóm: Đ- ờng nhỏ với bờ rào xén tía hoặc t- ờng xây gạch 2 bên. Ngõ th- ờng không thẳng mà gấp khúc, đánh dấu mỗi giai đoạn phát triển của ngõ. Trẻ em chơi đùa trên ngõ, ngày mùa đ- ờng làng đầy áp không khí sản xuất thu hoạch với màu vàng của rơm rạ, h- ơng lúa tràn ngập..



Đ- ờng làng, ngõ Đ- ờng Lâm ngày mùa

Cảnh quan đồng ruộng: Những cánh đồng lúa với sắc màu thay đổi theo mùa vụ, bờ đê, dòng sông, cây gạo, quán trên cánh đồng là những cảnh quan đặc trưng của vùng nông thôn.

Tháng 4, tháng 7 là vụ gặt, cánh đồng vàng óng màu lúa chín, rồi vàng nâu của đất và rạ phơi, xanh mướt mạ non, xanh thẫm



lúa thời con gái. Những bờ ruộng lúc hiện, lúc ẩn sau những khóm lúa. Quán trên cánh đồng lúc soi mình dưới bóng nước gieo mạ, lúc nổi bật trên nền xanh sẫm của lúa thật đẹp.

Việc sử dụng vật liệu truyền thống

Làng xã là nơi sử dụng nhuần nhuyễn các vật liệu truyền thống như gạch đất, gạch nung, đá ong, đá, tre, gỗ, trấu để sử dụng trong xây dựng. Trong số đó phần nhiều là vật liệu không nung, vật liệu để lấy từ chính đất đai, cây cối trong làng. Vật liệu giảm tối đa sử dụng nhiên liệu đốt, thân thiện với môi trường và có sức biểu cảm. Nhìn vào những bức tường nhà ở Đờng Lâm ta thấy rõ dấu ấn của thời gian với công sức của con người.



Sử dụng vật liệu trong nhà ở tại Đờng Lâm.

Lấy đá ong.

Các giá trị phi vật thể

Làng xã truyền thống là nơi l-u giữ các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của ng-ời Việt.



Đấu vật và đấu cờ ng-ời trong lễ hội làng ở Đ-ờng Lâm

Lễ hội: Làng nào cũng có lễ hội. Hội Đình, hội chùa. Phần lễ là việc r-ớc lễ vật, lễ nghi cầu mong cho mùa màng, sự may mắn thịnh v-ợng cho làng. Phần hội là các hoạt động vui chơi nh-đấu vật, đánh đu, đấu cờ, chọi gà... Hội làng không chỉ có ý nghĩa liên kết cộng đồng dân c- trong làng mà còn có ý nghĩa trong cả vùng nh- hội Đình Lệ Mật (Gia Lâm - Hà Nội) thờ Thành Hoàng của 13 làng ven Hồ Tây thời Lý, các làng đều mang lễ vật tới vào dịp hội. Có hội lớn thu hút cả vùng nh- hội cúng Thủy thần, chọi trâu Đồ Sơn - Hải Phòng, Hội Đồng Kỵ (Hà Nội).

Lễ hội làng do ng-ời dân tự tổ chức nên nó mang ý nghĩa xã hội với cộng đồng rất lớn.



Lễ hội làng Khúc Thủy

Văn hoá biểu diễn: Nghệ thuật biểu diễn rối n-ớc (rối n-ớc Đông Anh), văn hoá quan họ, hát chèo có tính chất chung của văn hoá vùng ĐBSH.

Văn hoá ứng xử: Coi trọng tuổi tác, kính lão đắc thọ. Coi trọng quan hệ láng giềng “ bán anh em xa, mua láng giềng gần”, coi trọng quan hệ cộng đồng, đùm bọc lẫn nhau. Coi trọng đạo đức, nghĩa tình. Văn hoá nông thôn hiện nay vẫn là văn hoá chuẩn mực của ng-ời Việt. Về với làng xã ta còn cảm thấy rõ tình cảm của ng-ời dân rất chân thành, tốt bụng.



Trò chuyện bên Đình làng Huyền Kỳ.

Văn hoá ẩm thực: Các làng xã cũng là nơi có văn hoá ẩm thực phong phú. Mỗi làng cũng th-ờng có các món ăn sản vật riêng. Ven Hà Nội có nhiều làng nổi tiếng nh- làng Vòng làm cốm, bún Phú Đô, Đ-ờng Lâm nổi tiếng với gà Mía, hay “ n-ớc giếng Hè, chè Cam Lâm”

Văn hoá văn bản: Các làng có h-ơng - ớc quy định các luật lệ của làng, các bài văn câu đối (đề tại cổng làng) thể hiện quan điểm của ng-ời dân hoặc niềm tự hào với làng xã của mình, văn bia đá, khánh thể hiện các dấu ấn, ghi nhận quá trình phát triển của làng. Các phả hệ của các dòng họ cũng là những t- liệu quý giá.

Văn hoá truyền miệng: Bao gồm dân ca, ca dao, tục ngữ, câu truyền miệng, truyền thuyết. Với lịch sử lâu đời, nhiều làng có nhiều truyền thuyết rất hay về cách đối nhân xử thế, về các

đanh nhân, về lịch sử hình thành của làng. Làng cổ Đ- ờng Lâm nổi tiếng với nhiều truyền thuyết về các danh nhân nh- vua Phùng H- ng, Ngô Quyền, thám hoa Giang Văn Minh.

Nghề truyền thống: Nhiều làng truyền thống có nghề thủ công phát triển, cũng là một giá trị văn hoá cần giữ gìn. Thời phong kiến đã có nhiều làng xã ven thành Thăng Long có các nghề nh- làng B- ởi làm Giáy, làng Nghi Tàm trồng cây cảnh, làng Đào Nhật Tân, làng Định Công làm kim hoàn, làng Vòng làm Cốm, làng lụa Vạn Phúc, đúc đồng Ngũ xã, gốm Bát Tràng.. Các làng xa hơn nổi tiếng với các nghề nh- mộc Thiết úng, cơ khí Văn Hà, bún Phú Đô. Nhiều nghề còn phát triển đến tận ngày nay nh- gốm Bát Tràng , lụa Vạn Phúc.

Hệ sinh thái (ecosystem) làng xã

Hệ sinh thái làng xã truyền thống là hệ sinh thái có tính độc lập, nhiều chu trình khép kín. Có phân hệ sinh thái hộ gia đình, sinh thái làng xã và quan hệ sinh thái đô thị - nông thôn.

- *Sinh thái hộ gia đình* : Nhà ở với mô hình v- ờn - ao - chuồng (VAC) có thể coi là một đơn vị cân bằng sinh thái . Tạo đ- ợc các chu trình khép kín về dinh d- ỡng, chất thải.

- *Sinh thái làng xã* : Trong làng xã thuần nông, khu dân c- và đồng ruộng là hệ sinh thái cơ bản. Vòng tuần hoàn năng l- ợng, vật chất diễn ra khép kín trong làng xã. Các chu trình chất thải, chu trình dinh d- ỡng đ- ợc thực hiện với sự tham gia của con ng- ời và tự nhiên, ít có sự tham gia của các ph- ơng tiện kỹ thuật.



Ao hồ là yếu tố quan trọng trong hệ sinh thái làng xã

+ Nguồn l- ợng thực thực phẩm tạo ra cơ bản trong phạm vi làng xã, đủ nuôi sống các thành viên làng xã, không phụ thuộc vào bên ngoài.

+ Các phế thải của ng-ời, vật nuôi, rác đ-ợc tận dụng làm phân bón cho cây, cho lúa, làm thức ăn cho cá. N-ớc thải t-ới rau hoặc chảy ra ao hồ, đồng ruộng. Vòng tuần hoàn của n-ớc đ-ợc thực hiện tốt với sự có mặt của hệ thống ao hồ, mặt n-ớc phong phú.

+ Tận dụng các sản phẩm tự nhiên, tái sử dụng nhiên liệu và sản phẩm nông nghiệp : Đất v-ợt nên làm nhà, trở thành ao ; cây trồng nh- Xoan, Tre làm nhà ; đất làm gạch ngói ; mái lợp rơm rạ, ngói. Chất đốt tận dụng phụ phẩm của nông nghiệp nh- rơm, rạ, thân cây ngô. Tận dụng năng l-ợng mặt trời trong phơi sấy, lên men chế biến thực phẩm..

Nhìn chung đặc điểm của hệ sinh thái làng xã truyền thống là các chu trình sinh thái cơ bản khép kín trong làng xã, ít có sự tham gia của công nghệ kỹ thuật, chu trình hoàn lại vật chất cơ bản phụ thuộc vào tự nhiên

Sinh thái nhân văn

Làng xã truyền thống là một đơn vị có mối quan hệ sinh thái nhân văn mật thiết. Tức là có mối quan hệ gắn bó giữa hệ thống xã hội và môi tr-ờng sống vật chất của con ng-ời. Thể hiện qua tính t-ơng tác thích ứng giữa các biến đổi của hệ thống xã hội với môi tr-ờng sống. Môi tr-ờng vật thể góp phần tạo sự ổn định của môi trường xã hội và ng-ợc lại.

Trong làng xã, *hệ thống xã hội quan hệ mật thiết với hệ tự nhiên.* Hệ thống xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định của hệ sinh thái làng xã. Hệ t- t-ởng tiểu nông, nền sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp duy trì sự khép kín của hệ sinh thái làng xã. Thói quen sống tiết kiệm đối phó với những rủi ro bất ngờ của thiên tai. Ng-ời dân biết tận dụng nguyên liệu tự nhiên, chất thải, tái sử dụng các nguyên liệu vật dụng, nguồn n-ớc cho các mục đích khác nhau.

Ng-ời dân sống hòa đồng với thiên nhiên. Nhà ở theo h-ớng nắng gió tốt (h-ớng Nam, Đông Nam), trồng cây chắn gió lạnh (Chuối sau, cau tr-ớc).Thuyết phong thủy, Thiên- Địa – Nhân và những yếu tố tín ng-ỡng dân gian nh- thờ thần cây cổ

thụ (thân cây Đa, ma cây Gạo), thờ đá có tác dụng bảo vệ tự nhiên, chống can thiệp thô bạo vào thiên nhiên.

Ng- ọc lại các công trình, cách tổ chức không gian cũng góp phần củng cố tính ổn định của hệ thống xã hội trong làng xã. Sự tồn tại của các công trình nh- Đình, Chùa nhà thờ hơgắn liền với ý nghĩa bảo vệ và duy trì lối sống cộng đồng. Lũy tre, điểm canh để bảo vệ làng xã, quán phục vụ việc nghỉ ngơi khi làm đồng. Các H- ong - ọc của làng đều có các điều khoản liên quan đến việc đóng góp xây dựng cơ sở vật chất cho làng xã.

Sự tồn tại của cộng đồng dân c- hàng ngàn năm trên một phạm vi c- trú nhất định, không chỉ tồn tại dựa vào việc khai thác tự nhiên mà còn dựa vào sức mạnh của văn hóa cộng đồng chứng tỏ làng xã là một mô hình c- trú sinh thái nhân văn phát triển bền vững.

Đây cũng là một giá trị đặc biệt quan trọng của làng xã truyền thống cần đ- ọc đánh giá trong các giá trị bảo tồn.

Kết luận

1.Làng xã truyền thống có lịch sử hàng ngàn năm, là nơi chứa đựng nhiều giá trị di sản văn hoá quý giá của dân tộc. Có các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể phong phú.

Làng xã truyền thống là tế bào của xã hội ng- ời Việt. Làng xã truyền thống là hình mẫu về việc tổ chức môi tr- ờng c- trú bền vững với khả năng tồn tại lâu dài, sự gắn kết mật thiết giữa các cấu trúc xã hội và cấu trúc không gian.

2.Làng xã truyền thống có nhiều công trình có giá trị về kiến trúc, nghệ thuật, xây dựng (Đình , Chùa, phủ , miếu, nhà cổ, giếng, ao...). Trong đó Đình, chùa, nhà cổ là những công trình có giá trị kiến trúc đặc sắc, tiêu biểu cho kiến trúc truyền thống của dân tộc.

3. Làng xã truyền thống có các giá trị văn hóa phi vật thể phong phú, có ý nghĩa lịch sử. Tiêu biểu là lối sống cộng đồng,

quan hệ dòng họ, hoạt động lễ hội, truyền thuyết, văn hóa ẩm thực, nghề truyền thống.

4. Các làng truyền thống chứa đựng các giá trị tiêu biểu về việc sử dụng các vật liệu truyền thống trong xây dựng. Việc sử dụng hợp lý, kinh tế, gắn bó với môi trường, có tính thẩm mỹ cao.

5. Các làng truyền thống có giá trị về tổ chức không gian và cảnh quan đặc sắc với không gian đình, chùa, đường làng, ngõ xóm, cổng làng, đồng ruộng, ao hồ, địa hình cảnh quan sông, kênh mương, cây xanh, mặt nước đẹp, phong phú

6. Các làng cổ truyền thống là mô hình cư trú dân nông nghiệp với mối quan hệ sinh thái nhân văn phát triển bền vững. Quan hệ dân cư - đồng ruộng, ở - sinh hoạt - sản xuất, con người - thiên nhiên có mối quan hệ mật thiết và tác động tương hỗ trong quá trình tồn tại phát triển.

Chung tay gìn giữ các giá trị làng truyền thống Việt Nam.

*Bên cạnh làng tôi, đất bán hết rồi
Chỉ còn nho nhỏ, nghĩa địa xa xa.
(Lời bài hát à - í - a)*

Làng Việt hiện nay đang đối mặt với nguy cơ bị biến dạng tự phát tr- ớc những tác động nội tại từ điều kiện kinh tế, xã hội và từ các tác động của quá trình đô thị hoá.

Sự biến đổi cấu trúc không gian, xã hội trong làng xã đang xảy ra không chỉ ở một vài làng mà đang diễn ra trên diện rộng trong đó các làng xã vùng ven đô thị là biến đổi rõ nét và nhanh chóng nhất. Đó là sự biến đổi toàn diện về quy hoạch, nhà ở, hạ tầng, môi tr- ờng và các yếu tố kinh tế, xã hội nh- chuyển đổi nghề nghiệp, lối sống...Điều này đang làm tăng nguy cơ làm mất đi các giá trị truyền thống và hình thành môi tr- ờng c- trú mới thiếu tính bền vững.

Hiện ch- a có những chính sách phát triển hợp lý để đảm bảo cho làng xã thích ứng với các biến đổi kinh tế xã hội mới. Các biến đổi tự phát đang chứa đựng nhiều yếu tố tiêu cực cả về khía cạnh bảo tồn và khía cạnh phát triển.

Không thể để những Đình, chùa bị xâm hại, ao làng bị lấp, bỏ hoang phế, cây xanh bị đốn ngã, dòng sông thanh bình trở thành những con kênh ô nhiễm, ng- ời làng rời bỏ quê, đồng ruộng bỏ hoang chờ dự án. Cả một hệ thống giá trị văn hoá của ông cha để lại đang đứng tr- ớc nguy cơ biến mất. Mô hình c- trú nông thôn mới đang khủng hoảng ch- a có lối ra.

Hãy chung tay để bảo vệ các giá trị di sản văn hoá làng xã truyền thống, bảo vệ các giá trị văn hoá Việt Nam. Đó là thông điệp của nhóm nghiên cứu muốn gửi đến tất cả mọi ng- ời.